

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT

Ngày 25/01/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
chia tài sản chung, xác định nghĩa vụ
trả nợ chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán:

Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2020/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, xác định nghĩa vụ trả nợ chung khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh B, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Hằng N, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP C Việt Nam; địa chỉ: đường T, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C Việt Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; chức vụ: Phó Giám đốc và ông Hoàng Trung K - Nhân viên quản lý nợ có vấn đề Phòng tổng hợp -

Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 35, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định ủy quyền số 1035/QĐ-HĐQT-NHCT18 ngày 14/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C Việt Nam về việc ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng); vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP N Việt Nam; địa chỉ: Số 198, đường T, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 37, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số 268/UQ-VCB-PC ngày 18/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N Việt); vắng mặt.

3. Ngân hàng TMCP V Thịnh Vượng, địa chỉ: L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần V Thịnh Vượng - Chi nhánh Lạng Sơn, địa chỉ: Số 127, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Lương Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Nông Thị M; địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Vi Tiến B; địa chỉ: Thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị C và ông Lê K; địa chỉ: Số 5, ngõ 545, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Chị Ngô Thị H, địa chỉ: Số 28, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Chị Trần Thị Song N; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

10. Chị Đoàn Thị H; địa chỉ: Số nhà 9, ngách 3, ngõ ..., đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

11. Chị Nông Thị C; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Chị Bé Thị S; vắng mặt.

13. Chị Vy Thị B; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Lê Hằng N; nơi ĐKKHKT: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Lê Thanh B trình bày: Anh và chị Lê Hằng N có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung; quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Hằng N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 22/5/2014. Anh Lê Thanh B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Lê Hằng N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô hiệu Thaco, biển kiểm soát 12C-054.93 đăng ký tên anh Lê Thanh B; 01 chiếc xe ô tô hiệu Veam, biển kiểm soát 12C 034.18, đăng ký tên chị Lê Hằng N; 01 nhà cấp 4 xây trên diện tích đất thuê của bà Nông Thị M và nhà cấp 4 xây trên diện tích đất thuê của ông Vi Tiến B, 02 mảnh đất đều ở Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Về đất thuê: Trước khi kết hôn với chị Lê Hằng N, năm 2012, anh ký hợp đồng thuê diện tích đất khoảng 135m² (thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 26 xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn) của ông Vi Tiến B trên đất có 01 căn nhà cấp 4, thời hạn thuê 05 năm, vợ chồng sử dụng để làm nơi ở và nơi chị Lê Hằng N sản xuất kinh doanh. Hết năm 05 anh đã ký hợp đồng thuê tiếp 05 nữa, tiền thuê đất 02 năm đầu là 800.000 đồng/tháng, từ năm thứ 03 trở đi là 1.000.000 đồng/tháng, đã trả tiền thuê đến ngày 01/8/2020. Trong thời gian thuê nhà đất, được sự đồng ý của ông Vi Tiến B anh đã xây thêm 01 gian nhà phía trước và sửa chữa gian nhà cũ và xây cao thêm tường phía sau... mọi chi phí xây dựng, sửa chữa nhà chủ yếu do anh bỏ tiền ra, chị Lê Hằng N đóng góp không đáng kể. Khi ly hôn, anh đề nghị chị Lê Hằng N trực tiếp sử dụng nhà trên đất thuê và sử dụng nhà đất thuê của ông Vi Tiến B cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê nhà đất.

Còn mảnh đất thuê có diện tích khoảng 360m² (thuộc thửa số 152, tờ bản đồ số 27 xã M, thành phố L), anh trực tiếp ký hợp đồng thuê với ông Vy Hồng C (đã chết năm 2019) và bà Nông Thị M, thời hạn thuê 15 năm, anh đã trả tiền thuê đầy đủ cho cả thời gian thuê (1.000.000 đồng/năm), mảnh đất này đối diện với nhà đất anh thuê của ông Vi Tiến B. Năm 2015, anh xây dựng nhà cấp 4 trên đất để chị Lê Hằng N chuyển bớt việc sản xuất sang đây vì nhà đất thuê của ông Vi Tiến B vừa dùng để ở vừa dùng để sản xuất rất ngột ngạt, ô nhiễm ảnh hưởng đến cháu Lê Minh T lúc đó đang còn rất nhỏ, chi phí xây dựng nhà chủ yếu do anh chi trả, chị Lê Hằng N chỉ đóng góp số ít. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp sử dụng nhà trên đất thuê và đất thuê của bà Nông Thị M cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê đất vì anh hiện nay không có chỗ ở, đang phải ở nhờ nhà bố mẹ.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 12C-054.93 và chiếc xe ô tô hiệu Veam, biển kiểm soát 12C 034.18, trong quá trình giải quyết vụ án, anh rút không yêu cầu chia 02 chiếc xe này.

Các tài sản chung khác là đồ dùng trong gia đình vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn hơn 40.000.000 anh Lê Thanh B xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Khi ly hôn, vợ chồng vẫn cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Vay bố mẹ đẻ của anh là ông Lê K và bà Nguyễn Thị C số tiền 90.000.000 vay tháng 4/2013, anh xác định là nợ chung, bố mẹ anh không đòi trả nợ trong vụ án này. Khi ly hôn vợ chồng vẫn cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Nợ Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn, số tiền 80.000.000 đồng, anh Lê Thanh B yêu cầu chị Lê Hằng N phải trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Thanh B rút yêu cầu xác định khoản vay này là nợ chung và không yêu cầu giải quyết việc đòi chị Lê Hằng N trả lại tiền trong vụ án này.

Anh Lê Thanh B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Bị đơn chị Lê Hằng N trình bày: Về quan hệ hôn nhân như anh Lê Thanh B trình bày là đúng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Lê Thanh B xin ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 22/5/2014, khi ly hôn chị Lê Hằng N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà cấp 4, xây dựng trên mảnh đất thuê của bà Nông Thị M và căn nhà cấp 4 trên mảnh đất diện tích 135m² thuê của ông Vi Tiến B đã được vợ chồng anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N sửa lại và xây mới thêm 01 gian sau khi thuê, chị Lê Hằng N đề nghị anh Lê Thanh B sẽ là người trực tiếp sử dụng toàn bộ 02 khu nhà đất trên cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê nhà đất và có nghĩa vụ thanh toán cho chị ½ giá trị tài sản đã đầu tư xây dựng trên đất theo kết quả định giá tài sản ngày 31/8/2020. Tất cả các khoản tiền thuê nhà đất, xây và sửa nhà phần lớn đều do chị Lê Hằng N bỏ ra, nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh do khi thuê và sửa nhà tình cảm 02 vợ chồng vẫn tốt đẹp nên chị đưa tiền cho anh Lê Thanh B trả tiền thuê nhà đất, xây dựng, sửa chữa nhà mà không ký nhận giấy tờ; anh Lê Thanh B cũng đóng góp một phần chi phí nhưng không đáng kể.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-054.93 đứng tên chủ xe là anh Lê Thanh B, trước phiên tòa, chị xác định đây là tài sản chung của 02 vợ chồng và yêu cầu chia tài sản chung, chị Lê Hằng N đề nghị anh Lê Thanh B là người trực tiếp quản lý sử dụng và trả cho chị 1/2 giá trị chiếc xe này. Đối với chiếc xe ô tô hiệu Veam, biển kiểm soát 12C 034.18, chị Lê Hằng N cho rằng đây không phải là tài sản chung vợ chồng, vì chiếc xe trên của con riêng của chị, chị chỉ mượn để

đi lại. Chị Lê Hằng N nhất trí ý kiến của anh Lê Thanh B về việc không yêu cầu chia 02 chiếc xe ô tô trên.

Đối với các tài sản khác là đồ dùng trong gia đình, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Hằng N nhất trí ý kiến của anh Lê Thanh B về việc xác định các khoản nợ Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, nợ Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và nợ ông Lê Khiêm và bà Nguyễn Thị C là nợ chung của vợ chồng và nhất trí khi ly hôn vợ chồng vẫn cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ trên. Tại phiên tòa, chị Lê Hằng N nhất trí việc anh Lê Thanh B rút yêu cầu về việc xác định khoản nợ Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn là nợ chung và chị rút yêu cầu xác định khoản nợ Ngân hàng TMCP V Thịnh Vượng - Chi nhánh Lạng Sơn là nợ chung.

Ngoài ra, chị Lê Hằng N còn yêu cầu xác định các khoản chi nợ tiền hàng với khác hàng là nợ chung của vợ chồng, gồm: Nợ chị Nông Thị C số tiền 220.835.000 đồng; nợ chị Bé Thị S số tiền 41.000.000 đồng; nợ chị Vy Thị B số tiền 80.000.000 đồng; nợ chị Trần Thị Song N số tiền 25.000.000 đồng; nợ chị Ngô Thị H số tiền 70.000.000 đồng; nợ chị Đoàn Thị H số tiền 15.000.000 đồng. Chị Lê Hằng N cho rằng các khoản chi nợ khách hàng nêu trên là nợ tiền hàng kinh doanh và mua nguyên liệu sản xuất mà chị trực tiếp giao dịch thực hiện nhưng do anh Lê Thanh B cũng tham gia việc kinh doanh cùng chị và vì anh Lê Thanh B cho rằng phần lớn tiền đầu tư xây dựng nhà xưởng, thuê đất chủ yếu do anh Lê Thanh B chi trả mà thực tế thì tiền xây dựng nhà chủ yếu do chị lấy từ khoản tiền bán hàng để trả nên các khoản nợ tiền hàng các cá nhân trên cũng là nợ chung của vợ chồng, khi ly hôn vợ chồng vẫn phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Ý kiến của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Đại diện Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn trình bày: Năm 2016 Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ký hợp đồng tín dụng cho ông Lê Thanh B, bà Lê Hằng N vay số tiền 160.000.000 đồng. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản của ông Lê Thanh B, bà Lê Hằng N theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 19102016HĐTC/NHCT200-LTB12C-054.93 ký ngày 20/10/2016 (tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu Thaco, biển kiểm soát 12C-054.93). Tính đến ngày 13/8/2020 còn nợ 40.306.697 đồng. Nay ông Lê Thanh B, bà Lê Hằng N xin ly hôn, Ngân hàng TMCP C Việt Nam nhất trí và đồng ý để ông Lê Thanh B, bà Lê Hằng N tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do khoản vay chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm thanh toán nợ của ông Lê Thanh B, bà Lê Hằng N. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác. Đề nghị Tòa án không giải quyết chia tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu Thaco, biển kiểm soát 12C-054.93 trong vụ án này vì đó là tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay trên.

Đại diện Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn trình bày:

Ngày 23/10/2019 Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và ông Lê Thanh B ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 390/19/VCBLS, số tiền vay 120.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt. Tính đến ngày 24/5/2020, dư nợ khoản vay còn 108.000.000 đồng. Khoản vay trên được áp dụng theo sản phẩm chuẩn, cho vay tiêu dùng không đảm bảo bằng tài sản dành cho khách hàng các nhân thông qua sự hợp tác giữa Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty đ Lạng Sơn. Trong đó, ông Lê Thanh B đứng tên khoản vay và có trách nhiệm trả nợ bằng nguồn thu nhập của ông Lê Thanh B, vì vậy khoản vay không được chuyển nhượng cho ai khác, kể cả bà Lê Hằng N.

Ngân hàng TMCP V Thịnh Vượng - Chi nhánh Lạng Sơn không có ý kiến.

Bà Nông Thị M trình bày: Bà là chủ sử dụng hợp pháp của mảnh đất có diện tích 360m² tại thôn P, xã M, thành phố L, mảnh đất đó trước đây bà giao miệng cho con trai là anh Vy Hồng C sử dụng. Năm 2012 anh Vy Hồng C đã cho anh Lê Thanh B thuê mảnh đất với thời hạn 15 năm với mục đích xây dựng nhà xưởng, bà đồng ý và cùng ký vào hợp đồng cho thuê đất. Anh Vy Hồng C đã chết năm 2019. Nay anh Lê Thanh B và chị Lê Hằng N xin ly hôn và tranh chấp về tài sản chung là nhà xây dựng trên đất thuê của bà, bà chỉ biết anh Lê Thanh B là người trực tiếp đứng ra thuê đất của bà và đã trả tiền đủ cho hết thời gian thuê. Hết hạn thuê đất anh Lê Thanh B có thể tháo dỡ di dời nhà trên đất nếu không tháo dỡ thì bà cũng không phải thanh toán giá trị nhà cho anh Lê Thanh B.

Bà Lương Thị T trình bày: Bà nhất trí ý kiến mà bà Nông Thị M.

Ông Vi Tiến B trình bày: Năm 2012 ông cho anh Lê Thanh B thuê một ngôi nhà nằm trên diện tích đất 133m² của ông, hợp đồng thuê là 05 năm, Hết 02 năm đã gia hạn thuê lần 02 là 05 năm tiếp. Sau khi được sự đồng ý của ông, anh Lê Thanh B đã sửa chữa ngôi nhà cũ và xây dựng thêm 01 gian nhà trên đất. Theo thỏa thuận hết hạn hợp đồng, ông được quyền quản lý, sử dụng nhà trên đất mà không phải đền bù cho anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N. Nay anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N tranh chấp đối với tài sản này ông xác định nhà do anh Lê Thanh B chị Lê Hằng N xây trên đất là tài sản chung của anh Lê Thanh B và chị Lê Hằng N, cả 02 người đều có quyền sử dụng cho đến khi hết hạn hợp đồng thuê nhà đất.

Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Khiêm trình bày: Năm 2013, vợ chồng ông bà cho vợ chồng anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N vay số tiền 90.000.000 đồng. Nay anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N ly hôn, ông bà không yêu cầu giải quyết việc đòi nợ trong vụ án này, để hai bên tự thỏa thuận.

Chị Ngô Thị H trình bày: Chị có cơ sở sản xuất bánh tại thành phố Lạng Sơn. Từ năm 2017 đến nay, chị Lê Hằng N lấy bánh nhà chị để bán, tổng số tiền nợ cộng dồn chưa trả là 70.000.000 đồng. Nay chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B ly hôn, chị yêu cầu chị Lê Hằng N trả lại số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị Đoàn Thị H trình bày: Chị Lê Hằng N còn nợ tiền hàng (gạo) với chị số tiền 15.000.000 đồng, nhưng chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để hai

bên thỏa thuận, đề nghị Tòa án không gửi văn bản tố tụng cho chị vì ảnh hưởng đến việc làm ăn của chị.

Chị Trần Thị Song N trình bày: Chị là chủ cơ sở sản xuất bánh kẹo Sông Ngân nên có quan hệ làm ăn với chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B. Từ năm 2018 đến nay, chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B lấy hàng nhà chị để bán nhưng chưa thanh toán với tổng số tiền còn nợ là 25.803.000 đồng, nay chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B ly hôn chị yêu cầu anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N trả chị số nợ trên và không yêu cầu tính suất.

Chị Nông Thị C trình bày: Chị có cơ sở sản xuất bánh tại Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 2014 đến nay, chị Lê Hằng N lấy bánh nhà chị để bán với tổng số tiền nợ là 220.835.000 đồng nhưng chưa trả, nay chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B ly hôn chị yêu cầu anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N trả số tiền 220.835.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chị Bé Thị S trình bày: Chị có cơ sở sản xuất bánh. Từ năm 2018 đến nay, chị Lê Hằng N lấy bánh nhà chị để bán với tổng số tiền nợ là 41.000.000 đồng. Nay chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B ly hôn, chị yêu cầu anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N trả số tiền 41.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị Vy Thị B trình bày: Chị có cơ sở sản xuất bánh. Từ năm 2019 đến nay, chị Lê Hằng N lấy bánh nhà chị để bán với tổng số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Nay chị Lê Hằng N, anh Lê Thanh B ly hôn, chị yêu cầu anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N trả lại số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 37, 45, 51, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thanh B và chị Lê Hằng N (đăng ký kết hôn số 32 ngày 11 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh B và chị Lê Hằng N có 01 con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2014. Khi ly hôn, chị Lê Hằng N có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: định kỳ hàng tháng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Kể từ tháng

10/2020. Anh Lê Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 12C-054.93 và chiếc ô tô hiệu Veam biển kiểm soát 12C-034.18.

Anh Lê Thanh B được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4, diện tích 79,5m² trên diện tích đất 360m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của bà Nông Thị M và được quyền sử dụng diện tích đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê.

Chị Lê Hằng N được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 135m² trên diện tích đất 135m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của ông Vi Tiến B và được quyền sử dụng đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê nhà đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê.

4. Về nợ chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định khoản nợ Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 390/19/VCBLS ngày 23/10/2019 là nợ chung của vợ chồng và yêu cầu của bị đơn về việc xác định khoản nợ tại Ngân hàng TMCP V Thịnh Vượng – Chi nhánh Lạng Sơn là nợ chung của vợ chồng.

Xác định khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 2010/2016-HĐTD/NHCT200 ngày 20/10/2016 giữa anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N và Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Lạng Sơn là nợ chung của vợ chồng. Khi ly hôn, anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N tiếp tục thực hiện việc trả nợ Ngân hàng C - Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Xác định khoản nợ 90.000.000 (chín mươi triệu đồng) giữa anh Lê Thanh B, Chị Lê Hằng N với vợ chồng ông Lê Khiêm, bà Nguyễn Thị C là nợ chung của vợ chồng. Khi ly hôn, anh Lê Thanh B, chị Lê Hằng N thực hiện trả nợ vợ chồng ông Lê Khiêm, bà Nguyễn Thị C theo thỏa thuận.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Hằng N về việc xác định các khoản chị Lê Hằng N nợ tiền hàng với chị Nông Thị C, chị Bé Thị S, chị Vy Thị B, chị Trần Thị Song N, chị Ngô Thị H, chị Đoàn Thị H là nợ chung của vợ chồng. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về việc đòi tiền nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 13/10/2020, bị đơn chị Lê Hằng N kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST, ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn yêu cầu sửa một phần Bản án, cụ thể: Chị Lê Hằng N yêu cầu được quản lý sử dụng căn nhà cấp 4, diện tích 79,5m² trên diện tích 360m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của bà Nông Thị M và được quyền sử dụng diện tích đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê; anh Lê Thanh B trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 135m² trên diện tích 135m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của ông Vi Tiến B và được quyền quản lý sử dụng đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê nhà đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bị đơn chị Lê Hằng N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Hằng N thấy chị là chủ cơ sở sản xuất cơm cháy, ngoài công việc này chị Lê Hằng N không có công việc nào khác, hiện chị Lê Hằng N đang sử dụng căn nhà cấp 4 xây trên đất thuê của gia đình bà Nông Thị M làm nơi sản xuất cơm cháy, ngôi nhà này được cơ quan chuyên môn xác nhận đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm; còn ngôi nhà xây trên đất thuê của ông Vy Tiến B, tường nhà bị ẩm mốc, bếp gần nhà vệ sinh, không đảm bảo tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, anh Lê Thanh B là cán bộ Công ty Điện lực có thu nhập ổn định và thực tế anh Lê Thanh B không ở trên nhà đất này, hơn nữa nhà đất này đã được trả tiền thuê đất đến năm 2027, còn ngôi nhà cấp 4 trên đất thuê của ông Vi Tiến B có diện tích hẹp hơn, hiện chỉ thanh toán tiền thuê đến ngày 01/8/2020. Để bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên đề nghị Hội đồng xét xử giao ngôi nhà thuê trên đất của gia đình bà Nông Thị M cho chị Lê Hằng N quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Hằng N, Hội đồng xét xử thấy: Đối với căn nhà cấp 4, diện tích 79,05m² xây dựng trên mảnh đất 360m² thuê với ông Vy Hồng C, người sử dụng đất hợp pháp là bà Nông Thị M (mẹ của ông Vy Hồng C) giá trị còn lại là 125.326.000 đồng và căn nhà cấp 4 xây dựng mới và phần sửa chữa nhà thuê trên diện tích đất thuê 135m² của ông Vi Tiến B có giá trị còn lại là 125.458.000 đồng. Các nhà xây trên đất thuê và quyền sử dụng nhà đất thuê này đều tại thôn P, xã M, thành phố L xác định là tài sản chung của vợ chồng, giá trị còn lại của nhà trên đất thuê của bà Nông Thị M và nhà trên đất thuê của ông Vi Tiến B là tương đương nhau.

[3] Ngày 10 tháng 01 năm 2021, chị Lê Hằng N cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn 01 giấy xác nhận có nội dung hiện nay chị vẫn đang sản xuất kinh doanh cơm cháy tại căn nhà cấp 4, diện tích 97,05m² xây dựng trên mảnh đất thuê của bà Nông Thị M, giấy có xác nhận của chính quyền địa phương. Hiện nay chị N là chủ cơ sở sản xuất cơm cháy, ngoài công việc này chị N không có công việc nào khác, hiện chị N đang sử dụng căn nhà cấp 4 xây trên đất thuê của gia đình bà Nông Thị M làm nơi sản xuất cơm cháy, ngôi nhà này được cơ quan chuyên môn xác nhận đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm; còn ngôi nhà xây trên đất thuê của ông Vy Tiến B, tường nhà bị ẩm mốc, bếp gần nhà vệ sinh, không đảm bảo tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, anh Lê Thanh B là cán bộ Công ty Đ có thu nhập ổn định và thực tế anh B không ở trên nhà đất này, hơn nữa nhà đất này đã được trả tiền thuê đất đến năm 2027, còn ngôi nhà cấp 4 trên đất thuê của ông Vi Tiến B có diện tích hẹp hơn, hiện chỉ thanh toán tiền thuê đến ngày 01/8/2020. Do đó, để bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên cần giao ngôi nhà thuê trên đất của gia đình bà M cho chị Lê Hằng N quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Do vậy cần giao thừa đất thuê của bà Nông Thị M cho chị Lê Hằng N tiếp tục sử dụng nhà và sử dụng đất thuê đến khi kết thúc thời hạn thuê nhà đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê là phù hợp.

[5] Thấy rằng, tại cấp phúc thẩm do phát sinh tình tiết mới nên cần sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Việc sửa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Lê Hằng N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận kháng cáo của của chị Lê Hằng N, sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Về tài sản chung: Chị Lê Hằng N được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4, diện tích 79,5m² trên diện tích đất 360m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của bà Nông Thị M và được quyền sử dụng diện tích đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê.

Anh Lê Thanh B được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 135m² trên diện tích đất 135m² tại Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuê của ông Vi Tiến B và được quyền sử dụng đất thuê cho đến khi kết thúc hợp đồng thuê nhà đất hoặc đến khi có thỏa thuận khác với chủ sử dụng đất cho thuê.

Trả lại cho chị Lê Hằng N số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002467 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS thành phố, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

